

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/8/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **33/2024/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **93/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị U**, sinh năm 1990; (Xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh **Phạm Minh L**, sinh năm 1990; (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị U và anh Phạm Minh L quyết định chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên chơi bời, không chăm lo cho vợ con mà còn vũ phu, đánh đập chị, không phụ giúp được gì cho chị U chăm

lo cho gia đình, con cái. Chị U nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi nên chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, ngột ngạt, không thể tiếp tục chung sống. Nay chị U cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Luân.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016. Chị U yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Minh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị U và anh Phạm Minh L quyết định chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống cũng bình thường chỉ đến năm 2022 do anh L bị tai nạn lao động không đi làm được nên tài chính gia đình khó khăn, anh L buồn chán nên cũng có nhậu nhẹt, vợ thì coi thường anh không kiếm được tiền, chị U có quan hệ với người khác dẫn đến anh bức tức nên cũng thường chửi mắng chị Út. Nay chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L thì anh không đồng ý do anh vẫn còn thương vợ và muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016. Chị U yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý. Anh yêu cầu nuôi cháu Phạm Thiện Nh và giao cháu Phạm Thị Hồng Nh cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Thị U không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác và xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh L không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý giao 02 con chung cho mẹ là chị U trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án

đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình và lời trình bày của các đương sự cùng các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị U được ly hôn với anh Phạm Minh L.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016 cho mẹ là chị Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Thị U, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Phạm Minh L, cư trú tại Ấp 4, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị U, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị U và anh Phạm Minh L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[3.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Nguyên đơn chị Thị U trình bày nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên chơi bời, không chăm lo cho vợ con mà còn vũ phu, đánh đập chị, không phụ giúp được gì cho chị U chăm lo cho gia đình, con cái. Chị U nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi nên chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, ngột ngạt, không thể tiếp tục chung sống. Bị đơn anh L cũng thừa nhận bắt đầu từ năm 2022 do anh L bị tai nạn lao động không đi làm được nên tài chính gia đình khó khăn, anh L buồn chán nên cũng có nhậu nhẹt, vợ thì coi thường anh không kiếm được tiền, chị U có quan hệ với người khác dẫn đến anh bức tức nên cũng thường chửi mắng chị Út. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn

gắn cho chị U và anh L nhưng chị U vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng xác định vợ chồng chị Út, anh L cũng từng xảy ra mâu thuẫn và chị U có từng nhờ công an xã can thiệp, hòa giải. Mặt khác, tại phiên tòa anh L cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng anh chị không còn.

Do đó, xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành quy định về Tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Nhưng giữa chị U và anh L không còn quan tâm nhau, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị U được ly hôn với anh Luân.

[4.3] Về con chung:

Quá trình chung sống chị U và anh L có 02 con chung là Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016. Hiện con đang sống với chị Út. Chị U yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu nuôi cháu Phạm Thiện Nh và giao cháu Phạm Thị Hồng Nh cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh L đồng ý giao 02 cháu Nhung và Nhân cho chị U nuôi dưỡng do hiện nay các cháu đang sống với chị Út, nguyện vọng của 02 cháu đều muốn được sống với mẹ là chị Út. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị U giao 02 cháu Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu giải quyết và anh L không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] Về tài sản chung: Chị U và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Thị U phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Thị U được ly hôn với anh Phạm Minh L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/9/2013 và Phạm Thiện Nh, sinh ngày 05/3/2016 cho chị Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn. Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Minh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không xem xét giải quyết

4. *Về nợ chung*: Không có

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Thị U phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004128 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã Quang Minh - Chơn Thành
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Dương Thị Thúy

